TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 27-6-2024
Về việc "tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Thanh Thúy

bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc *"tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 124/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Hồng V, sinh năm: 1994; địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* ông Huỳnh Hữu T, sinh năm: 1994; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn, ông Huỳnh Hữu T.

(Bà Nguyễn Hồng V, ông Huỳnh Hữu T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng V trình bày:

Bà và ông Huỳnh Hữu T đăng ký kết hôn ngày 30/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 8/2022 đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung. Vào tháng 02/2023, bà từng có đơn xin ly hôn với ông T nhưng sau đó bà rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, bà và ông T vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn nên bà khởi kiện lại, yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 01 con gái tên Huỳnh Ngọc Diễm M, sinh ngày 08/8/2018, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông T có 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 5859, tờ bản đồ số 03, xã P, huyện C, tỉnh Long An do ba chồng của bà là ông Huỳnh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu giao ông T sở hữu căn nhà và chia lại cho bà số tiền là 155.101.500 đồng là ½ giá trị căn nhà theo Chứng thư thẩm định giá số 1077.2023.VT.HS ngày 18/9/2023 của Công ty Cổ phần T2.

Về nợ chung: bà và ông T không có nợ chung.

Bị đơn ông Huỳnh Hữu T trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà V về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống chung, con chung, nợ chung. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: nếu phải ly hôn với bà V thì ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà V trực tiếp nuôi con thì ông chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: ông thống nhất tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4 như bà V đã trình bày. Tuy nhiên, khi xây nhà bà V chỉ góp số tiền 40.000.000 đồng nên ông chỉ đồng ý trả lại cho bà V số tiền 40.000.000 đồng, không đồng ý chia ½ giá trị căn nhà theo yêu cầu của bà V.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 124/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Hồng V được ly hôn với ông Huỳnh Hữu T.

2. Về nuôi con chung: bà Nguyễn Hồng V được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Diễm M, sinh ngày 08/8/2018. Ông Huỳnh Hữu T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: ông Huỳnh Hữu T được sở hữu 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, tường xây gạch chưa tô sơn, mái tole, nền xi măng, cửa kính khung sắt cất trên thửa đất số 5859, tờ bản đồ số 03 do ông Huỳnh Văn C đứng tên chủ quyền sử dụng đất.

Ông Huỳnh Hữu T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng V số tiền là 155.101.500 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu một trăm linh một nghìn năm trăm đồng).”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con, chi phí tố tụng, nghĩa vụ nếu chậm thi hành án về tài sản, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2024, bị đơn ông Huỳnh Hữu T kháng cáo không đồng ý phần chia tài sản chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Huỳnh Hữu T trình bày: căn nhà là tài sản chung của ông và bà V có tổng chi phí xây dựng chỉ có 120.000.000 đồng, trong đó ông thừa nhận mẹ vợ của ông đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay giùm số tiền 50.000.000 đồng, khi còn sống chung ông có nghe bà V nói đã trả nợ Ngân hàng xong. Nếu nhận nhà thì ông chỉ đồng ý trả lại cho bà V 70.000.000 đồng, ngoài ra ông không kháng cáo gì khác.

Bà Nguyễn Hồng V trình bày: bà thừa nhận chi phí xây dựng nhà ban đầu tổng cộng là 120.000.000 đồng như ông T nêu, trong đó cha mẹ mỗi bên cho 20.000.000 đồng, bán 04 chỉ vàng cưới và mẹ ruột của bà thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay giùm số tiền 50.000.000 đồng, trả lãi Ngân hàng khoảng 2 năm. Nay, bà đồng ý để ông T nhận nhà và thối hoàn cho bà tổng cộng 70.000.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Huỳnh Hữu T đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về phân chia tài sản chung, cụ thể: ông T được sở hữu nhà và có nghĩa vụ thối hoàn cho bà V số tiền 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu T thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Huỳnh Hữu T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn ông Huỳnh Hữu T chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung khi ly hôn. Căn cứ Điều 293 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án sơ thẩm có kháng cáo và nội dung có liên quan đến kháng cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Hữu T và bà Nguyễn Hồng V đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung, cụ thể: tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà V có tổng giá trị là 120.000.000 đồng, là 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, tường xây gạch chưa tô sơn, mái tole, nền xi măng, cửa kính khung sắt được xây dựng trên thửa đất số 5859 tờ bản đồ số 03 xã P do ông Huỳnh Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T được sở hữu căn nhà và có nghĩa vụ thối hoàn cho bà V số tiền 70.000.000 đồng. Xét thấy, thỏa thuận này của hai đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do hai đương sự đã thỏa thuận về chia tài sản chung tại cấp phúc thẩm, nên cần sửa án phí sơ thẩm đối với tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn, cụ thể: buộc bà V, ông T phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà mỗi đương sự được chia tại cấp phúc thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: buộc ông Huỳnh Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Hữu T về phần chia tài sản chung khi ly hôn.

3. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 124/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An về phần chia tài

sản chung của bà Nguyễn Hồng V và ông Huỳnh Hữu T và án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Hồng V và ông Huỳnh Hữu T về chia tài sản chung.

3.2. Tài sản chung của bà Nguyễn Hồng V và ông Huỳnh Hữu T là 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, tường xây gạch chưa tô sơn, mái tole, nền xi măng, cửa kính khung sắt, được xây dựng trên thửa đất số 5859, tờ bản đồ số 03, xã P do ông Huỳnh Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 443711 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/12/2009. Tài sản chung có tổng giá trị là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

3.3. Chia cho ông Huỳnh Hữu T được nhận tài sản chung bằng hiện vật, bà Nguyễn Hồng V nhận tài sản được chia bằng giá trị.

3.4. Ông Huỳnh Hữu T được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, tường xây gạch chưa tô sơn, mái tole, nền xi măng, cửa kính khung sắt, được xây dựng trên thửa đất số 5859, tờ bản đồ số 03, xã P do ông Huỳnh Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 443711 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/12/2009.

3.5. Buộc ông Huỳnh Hữu T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Hồng V số tiền 70.000.000 đồng *(bảy mươi triệu đồng).*

3.6. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn: buộc bà Nguyễn Hồng V phải chịu 3.500.000 *(ba triệu năm trăm ngàn)* đồng, được khấu trừ vào số tiền 3.878.000 *(ba triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn)* đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005663 ngày 20/6/2023 và số 0002709 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng V số tiền 378.000 *(ba trăm bảy mươi tám ngàn)* đồng tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa. Buộc ông Huỳnh Hữu T phải chịu 2.500.000 *(hai triệu năm trăm ngàn)* đồng.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Hữu T phải chịu 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng, được khấu trừ vào 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0010017 ngày 30/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục